

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2017/HNGĐ-ST**.

Ngày: 18/9/2017.

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Mậu.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2016/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2016, về việc: “tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 8 năm 2017 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 21/2017/TB-TA, ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Th, sinh năm 1967.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Nữ Thùy A, sinh năm 1972.

3. *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời cũng là người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Vĩnh S, sinh năm 1992.

4. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Tr, sinh năm 1946;

- Chị Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1993;

- Chị Lê Mai Hoài Th, sinh năm 2003.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 3, xã Đ T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa)

5. *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1970; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ T, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Lê Th yêu cầu:

Ông Th yêu cầu chia tài sản chung của ông Th và bà Mai Nữ A trong thời kỳ hôn nhân, là một căn nhà xây cấp 4 có diện tích khoảng 120m² và công trình xây dựng khác trên thửa đất số 177, tờ bản đồ số 24 (Thôn 3, xã Đ T). Thửa đất lúa có diện tích khoảng 2158,4 m² tại khu đồng thượng (mảnh trích đo địa chính số 23/2017) thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 08 (xã Đ T). Thửa đất có diện tích khoảng 2271,3m² (mảnh trích đo địa chính số 22/2017) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24 (xã Đ T), một kiot tại chợ M xã Đ T. Ông Th có nhu cầu sử dụng căn nhà và công trình xây dựng trên thửa đất số 177; các tài sản còn lại ông Th đồng ý giao cho bà A quản lý, sử dụng nhưng bên nào nhận phần tài sản có giá trị nhiều hơn thì phải hoàn trả chênh lệch giá trị tài sản chung cho bên còn lại. Ông Th yêu cầu giải quyết các chi phí tố tụng theo quy định. Ngoài ra ông Th không yêu cầu chia tài sản nào khác.

Căn cứ yêu cầu: Ông Th và bà A kết hôn năm 1990, quá trình chung sống, khoảng năm 2007 ông Th và bà A được ông Lê Tr (cha ông Th) cho một phần đất thuộc thửa số 177, tờ bản đồ số 24 để xây dựng nhà và một số công trình khác để ở. Ngoài ra ông Th và bà A nhận chuyển nhượng thửa đất lúa có diện tích khoảng 2158,4 m² tại khu đồng thượng (mảnh trích đo địa chính số 23/2017) thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 08 (xã Đ T) của ông Nguyễn Hữu N và nhận chuyển nhượng thửa đất màu có diện tích khoảng 2271,3m² (mảnh trích đo địa chính số 22/2017) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24 (xã Đ T) của ông Lý Thành N, khi sang nhượng chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

Ông Th và bà A chung sống với nhau đến năm 2015 thì ly hôn theo quyết định số 117/2015/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; khi ly hôn với ông Th và bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn, giữa ông Th và bà A không tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên ông Th đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án.

Bị đơn – bà Mai Nữ A trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Bà A và ông Th kết hôn năm 1990, đến năm 2015 thì ly hôn theo quyết định số 117/2015/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Khi ly hôn, bà A và ông Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn, ông Th khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Ý kiến của bà A đối với yêu cầu chia tài sản của ông Th:

Bà A xác định các tài sản mà ông Th tranh chấp yêu cầu Tòa án phân chia đều có nguồn gốc do ông Th và bà An tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Bà A đồng ý giao căn nhà và công trình phụ cho ông Th sử dụng và đồng ý nhận quyền sử dụng hai thửa đất. Bên nào nhận phần tài sản nhiều hơn thì phải hoàn trả lại tiền chênh lệch cho bên nhận ít hơn. Về kiết thì bà A đã bán cho bà T được 30.000.000 đồng và dùng tiền bán kiết trả nợ chung nên không đồng ý hoàn trả lại cho ông Th.

Ý kiến của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Tr trình bày: Ông Tr là cha của ông Lê Th. Vào khoảng năm 2007, ông Tr đồng ý cho ông Th, bà A xây nhà ở trên một phần thửa đất số 177 thuộc quyền sử dụng của ông Tr. Ông Tr xác định chỉ cho mượn đất để xây nhà ở chứ không cho quyền sử dụng, nay nếu giao nhà cho ông Th sử dụng thì ông Tr đồng ý cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên nếu bà A được giao quản lý sử dụng căn nhà thì phải trả đất cho ông Tr. Ngoài ra ông Tr không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Anh Lê Vĩnh S, chị Lê Thị Hoàng T và Lê Mai Hoài Th cùng trình bày: Anh S, chị T và chị Mai là con của ông Lê Th và bà Mai Nữ A. Anh S, chị T và chị Th xác định các tài sản mà ông Th yêu cầu phân chia đều có nguồn gốc do ông Th và bà A tạo lập trong thời kỳ hôn nhân chứ anh S, chị T và chị Th không có công sức đóng góp gì. Anh S, chị T và chị Th không có yêu cầu gì đối với ông Th và bà A; tuy nhiên anh S, chị T và chị Th trình bày nguyện vọng mong ông Th xem xét không phân chia căn nhà mà để lại cho anh S, chị T và chị Th có nơi ở.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Sau khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

+ Đề nghị giao cho ông Lê Th được quyền sở hữu một căn nhà xây cấp 4 có diện tích khoảng 120m² và công trình xây dựng khác trên thửa đất số 177, tờ bản đồ số 24 (Thôn 3, xã Đ T).

+ Tạm Giao cho bà Mai Nữ A được quyền quản lý, sử dụng thửa đất lúa có diện tích khoảng 2.158,4 m² tại khu đồng thượng (mãnh trích đo địa chính số 23/2017)

thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 08 (xã Đ T); Thửa đất màu có diện tích khoảng 2.271,3m² (mãnh trích đo địa chính số 22/2017) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24 (xã Đ T) và giá trị thành tiền một kiot tại chợ M. Ông Th nhận phần tài sản có giá trị lớn hơn nên phải hoàn trả lại chênh lệch về tài sản cho bà A.

+ Buộc bà A phải hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ tiền chi phí tố tụng các khoản đo đạc, thẩm định và định giá cho ông Th.

+ Buộc ông Th và bà A phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Th và bà Mai Nữ A kết hôn năm 1990; quá trình chung sống, ông Th và bà An đã tạo lập được một số tài sản chung như quyền sở hữu nhà, công trình phụ trên đất; quyền sử dụng đất... Đến năm 2015, ông Th và bà A ly hôn theo quyết định số 117/2015/QĐST-HNGĐ, ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Khi ly hôn, ông Th và bà A đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì ông Th và bà A không tự thỏa thuận được với nhau để phân chia tài sản chung nên ông Th đã làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung tại Tòa án. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 28 BLTTDS và Điều 95 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[2]-Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Th:

Tại phiên Tòa hôm nay, ông Th và bà A đều công nhận trong thời gian chung sống, ông Th và bà A đã tạo lập được những tài sản chung như sau:

- Căn nhà xây cấp 4 có diện tích khoảng 120m² và công trình phụ trên một phần thửa đất số 177, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thôn 3, xã Đ T của ông Lê Tr;

- Thửa đất lúa có diện tích khoảng 2.158,4m² tại khu đồng thượng, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 08 (xã Đ T);

- Thửa đất màu có diện tích khoảng 2.271,3m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24 (xã Đ T).

- 01 kiốt bán hàng tại chợ xã M.

Những tài sản chung của ông Th và bà A đã công nhận có nguồn gốc như sau:

Khoảng năm 2007, ông Lê Tr là cha của ông Th cho ông Th, bà A xây nhà trên một phần đất thuộc thửa số 177, tờ bản đồ số 24 ở Thôn 3, xã Đ T thuộc quyền sử dụng của ông Tr để ở. Sau khi xây nhà xong, trong quá trình sử dụng; ông Th và bà A đã làm thêm một số công trình phụ như mái vòm, nhà tạm, phòng karaoke. Sử dụng đến năm

2015 thì ông Th, bà A ly hôn. Sau khi ly hôn, ban đầu bà A và những người con chung của ông Th, bà A ở trên căn nhà. Tuy nhiên, hiện nay bà A không còn sử dụng căn nhà này nữa mà đã thuê nơi ở khác.

Về tài sản chung là quyền sử dụng đất thì thửa đất lúa có diện tích khoảng 2.158,4 m² tại khu đồng thượng, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 08 (xã Đ T) có nguồn gốc do ông Th và bà A nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu N và thửa đất màu có diện tích khoảng 2.271,3m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24 (xã Đ T) do ông Th và bà A nhận chuyển nhượng của ông Lý Thành N nhưng mới chỉ viết giấy tay chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Th và bà A sử dụng hai thửa đất này ổn định. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, bà A đã đầu tư trồng cây điều ghép và xây thêm hàng rào có gắn lưới bao quanh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 24. Hiện nay, bà A là người đang quản lý sử dụng hai thửa đất này.

Riêng đối với kiốt ở chợ M thì ông Th và bà A mua trong thời gian còn là vợ chồng để bà A kinh doanh, làm ăn. Trong thời gian ông Th, bà A chưa ly hôn thì bà A đã bán quyền sử dụng kiốt này cho bà Trần Thị Minh T ở thôn 3, xã Đ T được số tiền 30.000.000 đồng, bà A đang giữ số tiền bán kiốt.

Đối với những tài sản mà ông Th, bà A đã xác định là tài sản chung thì giữa ông Th và bà A đã thống nhất được với nhau về phương án phân chia căn nhà và quyền sử dụng hai thửa đất; còn tiền bán kiốt thì chưa thống nhất được. Theo đó, ông Th yêu cầu được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà xây cùng các công trình phụ gắn liền và đồng ý giao quyền sử dụng thửa đất lúa, thửa đất màu và giá trị kiốt cho bà A, bên nào nhận phần tài sản có giá trị nhiều hơn thì phải hoàn trả tiền chênh lệch giá trị cho bên nhận ít hơn. Bà A đồng ý phân chia giá trị căn nhà, thửa đất lúa và thửa đất rẫy. Riêng tiền bán kiốt thì bà A không đồng ý phân chia vì số tiền này đã được bà A dùng để trả nợ chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đã trình bày; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Th và bà A đăng ký kết hôn với nhau từ năm 1990, sau khi kết hôn đã tạo dựng được tài sản là nhà xây, quyền sử dụng đất. Tài sản yêu cầu được phân chia hình thành trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến trước năm 2015, là giai đoạn Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 đang có hiệu lực nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung của ông Th là phù hợp. Năm 2015 ông Th, bà A ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung; hiện nay cả hai cũng không tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên ông Th yêu cầu Tòa án phân chia là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Đối với những tài sản chung là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất lúa thì xét về nguồn gốc hình thành và công sức đóng góp của ông Th và bà A là ngang nhau nên theo nguyên tắc là chia đôi. HĐXX nhận thấy:

- Căn nhà cấp 4 và các công trình phụ gắn liền như nhà phụ, mái vòm đều được xây dựng trên một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 24 xã Đ T được cấp quyền sử dụng cho ông Lê Tr (Nay căn nhà thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số

32, mảnh trích đo địa chính số 24/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017). Tại phiên Tòa, bà A thống nhất giao nhà cho ông Th quản lý, sử dụng chứ bà A không có nhu cầu sử dụng căn nhà này. Xét thấy căn nhà xây cấp 4 có diện tích sử dụng khoảng 120m², có công trình phụ và mái hiên, nhà tạm, là công trình xây dựng cấu trúc kiên cố, không thể phá bỏ hay tháo dỡ, cũng không thể bán căn nhà vì liên quan đến quyền sử dụng đất của ông Tr. Nếu phân chia cho mỗi bên một phần để cùng sử dụng thì không thể vì ông Tr không muốn tiếp tục cho bà A ở trên đất. Bà A đã đồng ý giao và ông Th đồng ý nhận quyền sử dụng căn nhà nên Hội đồng xét xử thấy cần giao căn nhà này cho ông Th quản lý, sử dụng và ông Th phải hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho bà A là phù hợp.

- Diện tích đất lúa khoảng 2.158,4 m² tại thửa số 33, tờ bản đồ số 08 xã Đ T (Nay thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 35, mảnh trích đo địa chính số 23/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017) thì từ khi ly hôn cho đến nay, bà A là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất chứ ông Th không có nhu cầu sử dụng đất lúa nên cần giao thửa đất này cho bà A được quyền sử dụng và bà A phải hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho ông Th là phù hợp.

- Đối với tài sản chung là thửa đất cây lâu năm có diện tích khoảng 2.271,3m² tại thửa số 50, tờ bản đồ số 24 xã Đ T (Nay thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 32, mảnh trích đo địa chính số 22/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017) thì sau khi ly hôn, bà A đã chi phí để đầu tư xây thêm tường rào bao quanh đất như hiện nay nên phần công sức đóng góp để duy trì, phát triển tài sản này bà A có phần nhiều hơn ông Th. Do đó khi phân chia, chỉ chia đôi phần giá trị quyền sử dụng đất đã được xác định theo kết quả định giá chứ không tính phần giá trị tài sản trên đất (tường rào) vào để cùng chia cho ông Th. Thửa đất này hiện nay cũng đang do bà A quản lý, sử dụng; ông Th không có nhu cầu sử dụng đất nên cần giao thửa đất này cho bà A được quyền sử dụng và bà A phải hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch (quyền sử dụng đất) cho ông Th là phù hợp.

- Đối với tài sản là giá trị của kiốt bán hàng tại chợ xã M; Hội đồng xét xử xét thấy ông Th, bà A đã công nhận với nhau về việc xác định nguồn gốc hình thành đối với tài sản này. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy trong thời gian ông Th và bà A chưa ly hôn; bà A có sử dụng một kiốt bán hàng ở chợ M; khoảng năm 2013 - 2014, bà A đã bán lại kiốt này cho bà Trần Thị Minh T ở thôn 3, xã Đ T số tiền 30.000.000 đồng, bà A là người giữ số tiền bán kiốt mà có nhưng cho rằng đã dùng tiền này để trả nợ chung. Tuy nhiên, bà A không xuất trình được chứng cứ gì khác chứng minh nên có đủ cơ sở để xác định kiốt tại chợ M là tài sản chung của ông Th và bà A được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, số tiền bán kiốt trị giá 30.000.000 đồng bà A là người đang nắm giữ nên cần phân chia số tiền này theo yêu cầu của ông Th, buộc bà A phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Th ½ số tiền đã bán kiốt là phù hợp.

Tổng giá trị tài sản chung của ông Th và bà A tranh chấp phân chia trong vụ án là **479.017.600 đồng**, theo nguyên tắc chia đôi thì ông Th và bà A mỗi người được nhận phần tài sản trị giá **239.508.800 đồng**. Trong đó, ông Th nhận phần tài sản là

quyền sở hữu nhà và các công trình phụ gắn liền có trị giá là **266.383.800 đồng**; chênh lệch thừa so với giá trị tài sản được phân chia là **26.875.000 đồng** (266.383.800 đồng - 239.508.800 đồng). Bà A nhận phần tài sản là quyền sử dụng đất lúa, đất cây lâu năm và kiốt có tổng trị giá là **212.633.800 đồng**, chênh lệch thiếu so với giá trị tài sản được phân chia là **26.875.000 đồng** (266.383.800 đồng - 212.633.800 đồng). Như vậy, ông Th phải có nghĩa vụ phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà A số tiền **26.875.000 đồng** là phù hợp.

Ông Th, bà A có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai đối với phần diện tích đất được phân chia.

Về phần diện tích đất thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 24 xã Đ T được cấp quyền sử dụng cho ông Lê Tr mà ông Th, bà A làm căn nhà cấp 4 đã đồng ý phân chia như phân tích ở trên thì quá trình tố tụng, ông Th chỉ yêu cầu phân chia hiện vật là căn nhà chứ không yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất; bà A trong quá trình tố tụng có yêu cầu giải quyết, phân chia cả quyền sử dụng đất làm nhà nhưng sau đó bà A không nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình. Ông Tr chỉ trình bày ý kiến chứ không có yêu cầu độc lập gì với ông Th, bà A đối với phần diện tích đất đã cho ông Th, bà A làm nhà. Do đó nếu ông Th, bà A và ông Tr có tranh chấp đối với quyền sử dụng diện tích đất này thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác theo trình tự tố tụng dân sự.

[3] *Về các chi phí tố tụng*: Ngoài yêu cầu phân chia tài sản, ông Th còn yêu cầu giải quyết các chi phí tố tụng theo quy định. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th có nộp chi phí đo đạc 7.878.000đ; chi phí thẩm định tài sản 400.000đ và chi phí định giá tài sản 1.400.000đ, tổng cộng **9.678.000đ**. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông Th nên ông Th và bà A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tổng các khoản chi phí tố tụng. Theo đó buộc bà A phải hoàn trả lại cho ông Th số tiền chi phí tố tụng **4.839.000đ** là phù hợp với quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về án phí*: Cần buộc ông Th, bà A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần tài sản được nhận là phù hợp với quy định tại các điều 146, 147 BLTTDS và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 157, 165, 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 95, 97 và 98 Luật HNGĐ năm 2000;
- Khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Th, về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với bà Mai Nữ A.

- Giao cho ông Lê Th được quyền sở hữu căn nhà xây cấp 4A có diện tích 120m² cùng các công trình phụ gắn liền như mái che sân, nhà tắm tọa lạc trên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 32, mảnh trích đo địa chính số 24/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Tạm giao cho bà Mai Nữ A được quyền sử dụng thửa đất lúa có diện tích 2158,4 m² thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 35, mảnh trích đo địa chính số 23/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo) và thửa đất cây lâu năm có diện tích 2271,3m² cùng tài sản trên đất (cây trồng, tường rào) thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 32, mảnh trích đo địa chính số 22/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 19/4/2017 (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Lê Th và bà Mai Nữ A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai chuyển quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Th có nghĩa vụ phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà Mai Nữ A số tiền **26.875.000 đồng**.

- Buộc bà Mai Nữ A phải hoàn trả lại cho ông Lê Th số tiền chi phí tố tụng là **4.839.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Về án phí:

- Ông Lê Th phải nộp 11.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 8.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011552, ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Ông Th còn phải nộp 3.725.000 đồng.

- Bà Mai Nữ A phải nộp 11.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2017 (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hạ Hải Hồ